

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Kon Tum giai đoạn 2021-2025

Thực hiện Quyết định số 1322/QĐ-TTg ngày 31 tháng 8 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2030, Ủy ban nhân dân tỉnh ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện Chương trình trên địa bàn tỉnh với các nội dung cụ thể như sau:

I. MỤC TIÊU

1. Mục tiêu chung

- Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng (NSCL) sản phẩm, hàng hoá trên cơ sở áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý, công cụ cải tiến NSCL, góp phần nâng tỷ trọng đóng góp của năng suất các nhân tố tổng hợp (TFP) vào tăng trưởng kinh tế, nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hoá chủ lực tại địa phương.

- Tạo bước chuyển biến rõ rệt về NSCL của sản phẩm, hàng hoá chủ lực tại địa phương, nâng cao năng lực cạnh tranh cho các doanh nghiệp, đóng góp tích cực vào sự phát triển kinh tế - xã hội chung của tỉnh, đẩy mạnh hội nhập kinh tế khu vực và quốc tế.

2. Mục tiêu cụ thể

- Hỗ trợ đào tạo nghiệp vụ chuyên sâu về NSCL cho khoảng từ 10 cán bộ, công chức trở lên thuộc các cơ quan hành chính nhà nước, các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum.

- Hàng năm hướng dẫn, hỗ trợ từ 10 đến 20 doanh nghiệp áp dụng các giải pháp nâng cao NSCL tiên tiến như: hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001; hệ thống quản lý môi trường ISO 14001; hệ thống quản lý an toàn thực phẩm ISO 22000; hệ thống quản lý năng lượng ISO 50001; hệ thống quản lý đổi mới sáng tạo ISO 56000; hệ thống truy xuất nguồn gốc,... và các giải pháp để nâng cao NSCL cho sản phẩm, hàng hoá tiên tiến khác.

- Hàng năm, đào tạo, hướng dẫn khoảng 10 đến 20 doanh nghiệp áp dụng các giải pháp về tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật, hệ thống quản lý tiên tiến, công cụ cải tiến NSCL.

- Vận động, hỗ trợ cho các tổ chức, doanh nghiệp tham gia Giải thưởng chất lượng Quốc gia (phần đầu ít nhất 01 doanh nghiệp tham gia và đạt giải/năm).

- Nâng cao năng lực quản lý Chương trình hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NSCL cho cán bộ, công chức; từ đó xây dựng đội ngũ chuyên gia NSCL tại chỗ cho địa phương.

II. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Nhiệm vụ 1 - Thúc đẩy hoạt động NSCL

1.1. Tổ chức 01 hội nghị thông tin, tuyên truyền về Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NSCL sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021-2025 và vận động doanh nghiệp tham gia chương trình. Đối tượng tham dự là lãnh đạo, cán bộ chuyên môn các sở, ban ngành có liên quan và doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh Kon Tum, dự kiến khoảng 60 lượt người tham dự.

1.2. Thường xuyên thông tin, truyền thông về chương trình NSCL trên các phương tiện thông tin đại chúng, các website của tỉnh, ngành liên quan để phổ biến, chia sẻ kiến thức, kinh nghiệm về nâng cao NSCL.

1.3. Tổ chức 03 khóa đào tạo, tập huấn cho doanh nghiệp về nội dung và phương pháp áp dụng các hệ thống quản lý tiên tiến, các công cụ nâng cao NSCL; hướng dẫn doanh nghiệp khai thác thông tin về tiêu chuẩn chất lượng, quy chuẩn kỹ thuật; về tiêu chuẩn hóa; về xây dựng thương hiệu và bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (bảo hộ sáng chế, giải pháp hữu ích, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu...); về hệ thống truy xuất nguồn gốc, đăng ký, sử dụng mã số mã vạch, dự kiến khoảng 200 lượt người tham dự.

1.4. Cử cán bộ, công chức thực hiện triển khai chương trình NSCL tại tỉnh đi đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng về NSCL. Hỗ trợ doanh nghiệp tham gia các chương trình đào tạo của Tổ chức Năng suất Châu Á và các tổ chức tiêu chuẩn quốc tế, khu vực, dự kiến 05 lượt người/2 lần/năm.

1.5. Lựa chọn, đề xuất khen thưởng các tập thể, cá nhân có thành tích cao trong trong hoạt động nâng cao NSCL, dự kiến 05 đến 10 cá nhân, tổ chức/kỳ kế hoạch.

2. Nhiệm vụ 2 - Hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao NSCL

Lựa chọn các doanh nghiệp vừa và nhỏ thuộc đối tượng của chương trình để hướng dẫn đăng ký tham gia chương trình, cụ thể:

2.1. Thường xuyên hướng dẫn các doanh nghiệp áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến NSCL cơ bản, đẩy mạnh áp dụng các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến NSCL đặc thù cho ngành, lĩnh vực, tiêu chuẩn về các hệ thống quản lý mới được công bố.

2.2. Hàng năm hỗ trợ từ 05 đến 10 doanh nghiệp áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh.

2.3. Hàng năm hỗ trợ từ 05 đến 10 doanh nghiệp ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hoá, hiện đại hoá hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh.

2.4. Hàng năm hỗ trợ từ 05 đến 10 doanh nghiệp chứng nhận sản phẩm, hàng hoá, chứng nhận hệ thống quản lý an toàn thực phẩm, môi trường, năng lượng, an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp, chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI, CHÍNH SÁCH HỖ TRỢ

1. Đối tượng, phạm vi hỗ trợ

Các doanh nghiệp vừa và nhỏ có hoạt động sản xuất, kinh doanh sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh Kon Tum; ưu tiên các doanh nghiệp vừa và nhỏ sản xuất sản phẩm chủ lực của tỉnh, bao gồm các ngành sản xuất: cà phê; các sản phẩm chế biến từ mủ cây cao su; các sản phẩm chế biến từ sắn, mía đường; gạch ngói; bột giấy và giấy; rau hoa xứ lạnh; sâm Ngọc Linh; trồng và chế biến dược liệu; sản xuất và chế biến cá nước lạnh; các sản phẩm có nhu cầu tiêu thụ lớn trong nước thay thế hàng nhập khẩu, sản phẩm có giá trị xuất khẩu hoặc thị trường xuất khẩu lớn.

2. Về chính sách hỗ trợ

2.1. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% kinh phí cho các hoạt động sau:

- Hoạt động thông tin, tuyên truyền, đào tạo, tập huấn; hội nghị, hội thảo; biên soạn phát hành tài liệu.

- Hoạt động quản lý chương trình NSCL tại tỉnh Kon Tum (*nhiệm vụ Khoa học và Công nghệ: điều hành chương trình nâng cao NSCL, thẩm định, kiểm tra, nghiệm thu các chương trình thuộc Chương trình NSCL*).

- Đăng ký bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp (*nhãn hiệu, kiểu dáng công nghiệp, sáng chế...*), tối đa không quá 10 triệu đồng/sản phẩm hoặc dịch vụ.

- Đăng ký, sử dụng mã số mã vạch, tối đa không quá 10 triệu đồng/sản phẩm.

2.2. Ngân sách nhà nước hỗ trợ 50% kinh phí cho các hoạt động sau:

- Xây dựng và áp dụng hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá, áp dụng thực hành nông nghiệp tốt (G.A.P), thực hành sản xuất nông nghiệp hữu cơ, năng suất xanh, tối đa không quá 45 triệu đồng/hệ thống.

- Ứng dụng công nghệ thông tin, công nghệ số để thiết lập, tối ưu hoá, hiện đại hoá hệ thống quản trị doanh nghiệp; áp dụng tiêu chuẩn, công cụ hỗ trợ cho sản xuất thông minh, dịch vụ thông minh, không quá 30 triệu đồng/sản phẩm, hàng hoá.

- Chứng nhận sản phẩm, hàng hoá; chứng nhận hệ thống quản lý chất lượng; an toàn thực phẩm; môi trường; năng lượng; an toàn và sức khoẻ nghề nghiệp và chứng nhận hệ thống truy xuất nguồn gốc sản phẩm, hàng hoá phù hợp với tiêu chuẩn quốc gia, tiêu chuẩn quốc tế, tối đa không quá 45 triệu đồng/hệ thống.

IV. KINH PHÍ THỰC HIỆN

1. Kinh phí thực hiện từ các nguồn vốn: Ngân sách nhà nước, vốn đối ứng của doanh nghiệp và các nguồn vốn huy động hợp pháp khác theo quy định của pháp luật.

2. Hàng năm, căn cứ vào kế hoạch thực hiện chương trình NSCL và yêu cầu thực tiễn, Sở Khoa học và Công nghệ có trách nhiệm lập dự toán kinh phí, tổng hợp vào dự toán kinh phí hoạt động thường xuyên, gửi Sở Tài chính thẩm định, trình phê duyệt theo quy định; đồng thời quản lý, sử dụng kinh phí theo chế độ tài chính quy định hiện hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Sở Khoa học và Công nghệ

- Chủ trì, phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức triển khai có hiệu quả, đúng tiến độ, nội dung, nhiệm vụ của Kế hoạch này; kiểm tra, giám sát việc thực hiện của các doanh nghiệp tham gia chương trình.

- Ban hành quy định cụ thể về việc hỗ trợ các doanh nghiệp nâng cao NSCL giai đoạn 2021-2025. Thành lập Hội đồng thẩm định xét duyệt hồ sơ của doanh nghiệp tham gia chương trình; căn cứ vào kết quả của Hội đồng thẩm định ban hành Quyết định phê duyệt hồ sơ tham gia chương trình của doanh nghiệp.

- Lập kế hoạch, dự toán kinh phí thực hiện hàng năm trình các cấp thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

- Phổ biến nội dung chương trình; hướng dẫn, vận động các doanh nghiệp tham gia chương trình.

- Tổ chức sơ kết và tổng kết tình hình thực hiện kế hoạch. Định kỳ trước ngày 30 tháng 11 hàng năm hoặc đột xuất khi có yêu cầu, gửi báo cáo tình hình thực hiện kế hoạch về Bộ Khoa học và Công nghệ, Ủy ban nhân dân tỉnh.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bố trí kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ hàng năm để triển khai thực hiện các nhiệm vụ của kế hoạch trên cơ sở khả năng cân đối nguồn ngân sách địa phương.

3. Sở Tài chính: Phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ hướng dẫn công tác quản lý tài chính đối với các nhiệm vụ chi thường xuyên thuộc kế hoạch theo quy định hiện hành.

4. Các Sở, ban ngành liên quan, Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố, Đài phát thanh và truyền hình tỉnh, Báo Kon Tum: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm tổ chức triển khai các nhiệm vụ có liên quan trong kế hoạch, đồng thời phối hợp với Sở Khoa học và Công nghệ thông tin, tuyên truyền về nội dung và chính sách hỗ trợ của Chương trình; cung cấp thông tin về nhu cầu hỗ trợ của các tổ chức, doanh nghiệp trong lĩnh vực quản lý của đơn vị cho cơ quan chủ trì xem xét, giải quyết.

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, các đơn vị, địa phương phản ánh kịp thời về Sở Khoa học và Công nghệ để được hướng dẫn, giải quyết. Trường hợp vượt thẩm quyền, Sở Khoa học và Công nghệ báo cáo, tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.

Nơi nhận:

- Bộ Khoa học và Công nghệ (b/c);
- Thường trực Tỉnh ủy (b/c);
- Thường trực HĐND tỉnh (b/c);
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ban ngành, đơn vị thuộc tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Báo Kon Tum;
- Đài Phát thanh và Truyền hình tỉnh;
- Văn phòng UBND tỉnh: CVP, PCVP_{KSX};
- Lưu: VT, KGVX.PTDL.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Hữu Tháp